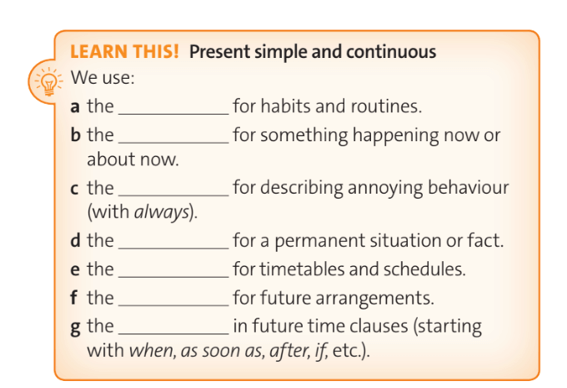
# Unit IB. Grammar (trang 9)

**Tiếng Anh 11 Unit IB lớp 11 Grammar (trang 9) - Friends Global**  
**1 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Find out a) when and where your partner usually does his / her homework and b) what type of homework he / she likes most and least. (Làm việc theo cặp. Tìm hiểu a) bạn của bạn thường làm bài tập về nhà khi nào và ở đâu và b) loại bài tập nào anh ấy / cô ấy thích nhất và ít nhất.)  
(Học sinh tự thực hành)  
  
**2 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read and listen to the dialogue. Why is Sue annoyed with Dan at the end? (Đọc và nghe đoạn đối thoại. Cuối cùng thì tại sao Sue lại khó chịu với Dan?)  
Sue: You aren't wearing your sports kit. P.E. starts in ten minutes. You seem very busy these days.  
Dan: I haven't got my sports kit today.  
Sue: You're always forgetting things!  
Dan: Well, I don't like P.E., so I'm not feeling too sad about it.  
Sue: Sport is important. It makes you fit. What are you doing instead?  
Dan: Mr Harley is giving me some extra maths homework to do in the library.  
Sue: Mr Harley always gives us really difficult homework.  
Dan: I don't mind. I need to do some extra work. We have exams next week.  
Sue: I know. That's why we're revising together on Saturday. We arranged it last week.  
Dan: I don't remember that! Sorry! I'm going away on Saturday.  
Sue: Like I said ... you're always forgetting things!  
Dan: Let's revise when I get back on Sunday afternoon.  
Sue: Sorry. I'm visiting my grandparents then.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Sue: Bạn không mặc bộ thể thao của bạn. Môn thể dục bắt đầu trong mười phút. Bạn có vẻ rất bận rộn những ngày này.  
Dan: Hôm nay tôi không có bộ thể thao.  
Sue: Bạn luôn quên mọi thứ!  
Dan: Chà, tôi không thích môn thể dục, vì vậy tôi không cảm thấy quá buồn về điều đó.  
Sue: Thể thao rất quan trọng. Nó làm cho bạn cân đối. Thay vào đó bạn đang làm gì?  
Dan: Thầy Harley đang cho tôi thêm một số bài tập toán để làm trong thư viện.  
Sue: Thầy Harley luôn cho chúng ta bài tập về nhà rất khó.  
Dan: Tôi không phiền đâu. Tôi cần phải làm thêm một số việc. Chúng ta có bài kiểm tra vào tuần tới.  
Sue: Tôi biết. Đó là lý do tại sao chúng ta cùng nhau ôn tập vào thứ Bảy. Chúng ta đã thu xếp nó vào tuần trước.  
Dan: Tôi không nhớ điều đó! Thật tiếc! Tôi sẽ đi xa vào thứ bảy.  
Sue: Như tôi đã nói ... bạn luôn quên mọi thứ!  
Dan: Hãy ôn tập khi tôi trở lại vào chiều Chủ nhật.  
Sue: Xin lỗi. Tôi đang thăm ông bà của tôi lúc đó.  
**Đáp án:**  
Sue was upset because Dan is always forgetting things.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Sue khó chịu vì Dan luôn quên mọi thứ.  
  
**3 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Why is present simple or present continuous used in each 6 of the highlighted examples from the dialogue? (Tại sao hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn được sử dụng trong mỗi 6 ví dụ nổi bật từ đoạn hội thoại?)  
  
**4 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Complete the rules (a-g) with the correct tenses: present simple or present continuous. (Đọc hộp Learn this!. Hoàn thành các quy tắc (a-g) với các thì đúng: hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn.)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
a. present simple  
  
  
b. present continuous  
  
  
c. present continuous  
  
  
  
  
d. present simple  
  
  
e. present simple  
  
  
f. present continuous  
  
  
  
  
g. present simple  
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chúng ta sử dụng:  
a. thì hiện tại đơn cho thói quen.  
b. hiện tại tiếp diễn cho một cái gì đó xảy ra bây giờ hoặc sau đó.  
c. thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả hành vi khó chịu (với always).  
d. hiện tại đơn giản cho một tình huống hoặc thực tế vĩnh viễn.  
đ. thì hiện tại đơn cho thời gian biểu và lịch trình.  
f. thì hiện tại tiếp diễn cho các sắp xếp trong tương lai.  
g. thì hiện tại đơn ở mệnh đề thời gian tương lai (bắt đầu bằng “when, as soon as, after, if,” v.v.).  
  
**5 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Find five stative verbs in the dialogue in exercise 2. How do you know they are stative verbs? (Đọc hộp Learn this!. Tìm 5 động từ tình thái trong đoạn hội thoại ở bài tập 2. Làm sao bạn biết chúng là động từ tình thái?)  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. need  
  
  
2. feel  
  
  
3. like  
  
  
4. know  
  
  
5. remember  
  
  
  
  
  
**6 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete the sentences with the present simple or present continuous form of the verbs in brackets. (Hoàn thành các câu với dạng hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn của các động từ trong ngoặc.)  
1. I (meet) Jack in town later. (you / want) to come?  
2. We usually (walk) to school, but tomorrow we (go) by bus.  
3. My friends (not want) to play tennis because it (rain).  
4. (you / enjoy) this film? Or (you / prefer) comedies?  
5. I (not believe) Ben's story. He (always / invent) things.  
**Đáp án:**  
1. am meeting – Do you want  
2. walk – are going  
3. don’t want – is raining  
4. Do you enjoy – do you prefer  
5. don’t believe – is always inventing  
**Giải thích:**  
1. Dùng hiện tại tiếp diễn cho một cái gì đó xảy ra bây giờ hoặc sau đó. Dùng hiện tại đơn hỏi về sự thật.  
2. Dùng hiện tại đơn cho thói quen. Dùng hiện tại tiếp diễn cho một cái gì đó xảy ra bây giờ hoặc sau đó.  
3. Dùng hiện tại đơn nói về sự thật. Dùng hiện tại tiếp diễn cho một cái gì đó xảy ra bây giờ  
4. Dùng hiện tại đơn hỏi về sự thật.  
5. Dùng hiện tại đơn nói về sự thật. Dùng thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả hành vi khó chịu (với always).  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Lát nữa tôi sẽ gặp Jack ở thị trấn. Bạn có muốn đến không?  
2. Chúng tôi thường đi bộ đến trường, nhưng ngày mai chúng tôi sẽ đi bằng xe buýt.  
3. Bạn của tôi không muốn chơi quần vợt vì trời đang mưa.  
4. Bạn có thích bộ phim này không? Hay bạn thích phim hài hơn?  
5. Tôi không tin câu chuyện của Ben. Anh ấy luôn phát minh ra mọi thứ.  
  
**7 (trang 9 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Find out what your partner a) usually does at weekends and b) is doing this weekend. Use the words below or your own activities. (Làm việc theo cặp. Tìm hiểu xem bạn của bạn a) thường làm gì vào cuối tuần và b) sẽ làm gì vào cuối tuần này. Sử dụng các từ dưới đây hoặc các hoạt động của riêng bạn.)  
  
(Học sinh tự thực hành)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit IA. Vocabulary (trang 8)  
Unit IC. Vocabulary (trang 10)  
Unit ID. Grammar (trang 11)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home